

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên,
vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, khu vực; mức chi giải thưởng đối với các giải thi đấu thể thao của tỉnh tổ chức trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Huấn luyện viên, vận động viên thể thao; các cơ quan, đơn vị tổ chức các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến các giải thi đấu thể thao.

Điều 3. Mức thưởng vận động viên đạt thành tích tại các đại hội, giải vô địch quốc gia và khu vực

Ngoài mức thưởng của giải, các vận động viên thể thao lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, khu vực được thưởng như sau:

1. Mức thưởng đối với các môn thể thao thi đấu cá nhân

Vận động viên được thưởng theo số lượng huy chương đạt được. Mức thưởng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Mức thưởng đối với vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng (giải thi đấu, loại huy chương đạt được) quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Mức thưởng đối với các môn, nội dung thi đấu đồng đội

Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên mức thưởng chung cho vận động viên bằng số lượng vận động viên được hưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng (giải thi đấu, loại huy chương đạt được) quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Mức thưởng huấn luyện viên tại các đại hội, giải vô địch quốc gia và khu vực

1. Mức thưởng đối với thi đấu cá nhân

Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các cuộc thi đấu thì mức thưởng chung được tính bằng mức thưởng đối với vận động viên quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này. Tỷ lệ phân chia tiền thưởng được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện vận động viên được 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được 40%.

2. Mức thưởng đối với thi đấu tập thể

a) Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích thì được thưởng mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên theo quy định tại điểm b khoản này nhân với mức thưởng tương ứng (giải thi đấu, loại huy chương đạt được) đối với vận động viên đạt giải quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quyết định này.

b) Số lượng huấn luyện viên được quy định như sau:

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên.

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên.

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 09 vận động viên đến 12 vận động viên: Mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên.

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 13 vận động viên đến 15 vận động viên: Mức thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên.

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định trên 15 vận động viên: Mức thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên.

3. Mức thưởng đối với các môn, nội dung thi đấu đồng đội

Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên mức thưởng chung cho huấn luyện viên bằng số lượng vận động viên được hưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng (giải thi đấu, loại huy chương đạt được) quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Mức chi thưởng đột xuất cho huấn luyện viên, vận động viên tại các giải thi đấu quốc tế, quốc gia, khu vực: Nhằm khuyến khích, động viên kịp thời các cá nhân, tập thể đạt thành tích tại các trận thi đấu mang tính chất quyết định, căn cứ khả năng huy động các nguồn thu hợp pháp từ xã hội hóa, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định cơ cấu giải thưởng và mức thưởng cho phù hợp nhưng tối đa không quá quy định tại Điều 3 Quyết định này.

Điều 5. Mức chi giải thưởng các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh, cấp huyện

1. Mức chi giải thưởng các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh: Mức chi theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Đối với giải thưởng các giải thi đấu thể dục thể thao cấp huyện: Căn cứ vào quy mô cụ thể của mỗi hoạt động thể dục, thể thao, khả năng kinh phí được giao theo phân cấp, khả năng huy động các nguồn thu hợp pháp khác và mức chi giải thưởng của các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh được quy định tại khoản 1 Điều 5; đơn vị tổ chức giải thi đấu thể dục thể thao tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cơ cấu giải thưởng và mức thưởng cho phù hợp.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

Sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp thể dục thể thao từng cấp ngân sách trong phạm vi dự toán giao hàng năm để thực hiện, cụ thể:

1. Tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải vô địch thể thao quốc gia do cơ quan ra quyết định triệu tập huấn luyện viên, vận động viên chi trả.

2. Tiền thưởng cho vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu cấp tỉnh do đơn vị tổ chức giải chi trả.

3. Tiền thưởng đột xuất cho huấn luyện viên, vận động viên tại các giải thi đấu quốc tế, quốc gia, khu vực đạt thành tích tại các giải thi đấu do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chi trả.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 10 năm 2021 và thay thế Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai và theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 9. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Tài chính; thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Mr*

Nơi nhận:

- Như Điều 9;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VB);
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- TTUBMTTQ tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP và các PVP;
- Lưu VT, KGVX (Ngọc).

g 18

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



luo
Nguyễn Văn Mười

bu

Phụ lục 1
Mức thưởng Huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích
tại các giải thi đấu cấp quốc gia và khu vực
(Kèm theo Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Nội dung	Mức thưởng (Đơn vị tính: đồng)
1. Giải vô địch quốc gia, giải các đội mạnh quốc gia, giải các vận động viên xuất sắc quốc gia:	
a. Huy chương Vàng	5.000.000
b. Huy chương Bạc	4.000.000
c. Huy chương Đồng	3.000.000
d. Phá kỷ lục Quốc gia	Thưởng thêm 5.000.000
2. Đại hội Thể thao toàn quốc:	
a. Huy chương Vàng	10.000.000
b. Huy chương Bạc	7.500.000
c. Huy chương Đồng	5.000.000
d. Phá kỷ lục Quốc gia	Thưởng thêm 5.000.000
3. Giải các Câu lạc bộ toàn quốc:	
a. Huy chương Vàng	4.000.000
b. Huy chương Bạc	3.000.000
c. Huy chương Đồng	2.000.000
4. Đại hội Thể dục Thể thao đồng bằng sông Cửu Long:	
a. Huy chương Vàng	1.500.000
b. Huy chương Bạc	1.200.000
c. Huy chương Đồng	900.000
5. Các giải vô địch đồng bằng sông Cửu Long, các giải mở rộng:	
a. Huy chương Vàng	1.000.000
b. Huy chương Bạc	800.000
c. Huy chương Đồng	600.000
6. Giải Vô địch trẻ Quốc gia, giải các lứa tuổi Quốc gia, các vận động viên xuất sắc trẻ Quốc gia:	
6.1. Giải Thể thao trẻ Quốc gia dành cho vận động viên đến dưới 12 tuổi:	
a. Huy chương Vàng	1.000.000
b. Huy chương Bạc	800.000
c. Huy chương Đồng	600.000
d. Phá kỷ lục Quốc gia	Thưởng thêm 1.000.000
6.2. Giải Thể thao trẻ Quốc gia dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi:	
a. Huy chương Vàng	1.500.000
b. Huy chương Bạc	1.200.000
c. Huy chương Đồng	900.000
d. Phá kỷ lục Quốc gia	Thưởng thêm 1.500.000
6.3. Giải Thể thao trẻ Quốc gia dành cho vận động viên từ 16 tuổi	



Nội dung	Mức thưởng (Đơn vị tính: đồng)
<i>đến dưới 18 tuổi:</i>	
a. Huy chương Vàng	2.000.000
b. Huy chương Bạc	1.600.000
c. Huy chương Đồng	1.200.000
d. Phá kỷ lục Quốc gia	Thưởng thêm 2.000.000
<i>6.4. Giải Thể thao trẻ Quốc gia dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi:</i>	
a. Huy chương Vàng	2.500.000
b. Huy chương Bạc	2.000.000
c. Huy chương Đồng	1.500.000
d. Phá kỷ lục Quốc gia	Thưởng thêm 2.500.000
7. Giải Vô địch trẻ miền Nam và các tỉnh mở rộng: Lứa tuổi dưới 12 tuổi mức thưởng bằng 20%, lứa tuổi từ 12 đến dưới 16 tuổi mức thưởng bằng 30%, lứa tuổi từ 16 đến dưới 18 tuổi mức thưởng bằng 40% và lứa tuổi từ 18 đến đến dưới 21 tuổi mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng các giải Vô địch đồng bằng sông Cửu Long và các giải tỉnh mở rộng.	

Phụ lục 2
Mức chi giải thưởng các giải thể thao tỉnh Tiền Giang
(Kèm theo Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Nội dung	Mức thưởng (Đơn vị tính: đồng)
I. CÁC GIẢI THỂ THAO CẤP TỈNH	
1. Giải Vô địch	
a. Giải cá nhân	
<i>- Giải đơn</i>	
+ Huy chương Vàng	500.000
+ Huy chương Bạc	400.000
+ Huy chương Đồng	300.000
+ Khuyến khích	150.000
<i>- Giải đôi</i>	
+ Huy chương Vàng	700.000
+ Huy chương Bạc	600.000
+ Huy chương Đồng	500.000
<i>- Giải đồng đội</i>	
+ Huy chương Vàng	1.200.000
+ Huy chương Bạc	1.000.000
+ Huy chương Đồng	800.000
b. Giải tập thể	
<i>- Môn Bóng chuyên và Bóng đá 5 người:</i>	
+ Hạng I	2.000.000
+ Hạng II	1.600.000
+ Hạng III	1.200.000
+ Giải phong cách	800.000
<i>- Môn Bóng đá 11 người:</i>	
+ Hạng I	3.500.000
+ Hạng II	3.000.000
+ Hạng III	2.500.000
+ Giải phong cách	1.000.000
2. Giải trẻ	
a. Giải cá nhân	
<i>- Giải đơn</i>	
+ Huy chương Vàng	400.000
+ Huy chương Bạc	300.000
+ Huy chương Đồng	200.000
+ Khuyến khích	100.000
<i>- Giải đôi</i>	
+ Huy chương Vàng	600.000
+ Huy chương Bạc	500.000

Nội dung	Mức thưởng (Đơn vị tính: đồng)
+ Huy chương Đồng	400.000
- Giải đồng đội	
+ Huy chương Vàng	800.000
+ Huy chương Bạc	700.000
+ Huy chương Đồng	600.000
b. Giải tập thể	
- Môn Bóng chuyền và Bóng đá 5 người:	
+ Hạng I	1.200.000
+ Hạng II	1.000.000
+ Hạng III	800.000
+ Giải phong cách	600.000
- Môn Bóng đá 11 người:	
+ Hạng I	2.500.000
+ Hạng II	2.000.000
+ Hạng III	1.500.000
+ Giải phong cách	800.000

